QUY TRÌNH MUA SẮM DỤNG VỤ, VẬT TƯ, HÓA CHẤT, THIẾT BỊ VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ CÓ TỔNG GIÁ TRỊ NHỎ HƠN 100 TRIỆU ĐỒNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Mã số: CSVC-QT-46

SOẠN THẢO	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT
Nguyễn Thị Minh Hạnh **Chuyên viên**	**Nguyễn Thanh Cường** **Phó Trưởng phòng**	**Phạm Thành Hưng** **Trưởng phòng**
21/8/2024	20/9/2024	21/10/2024

TRANG SỬA ĐỔI

Lần sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Trang sửa đổi	Ngày hiệu lực	Phê duyệt

TRANG MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Trang kiểm soát	1
2	Trang sửa đổi	2
3	Trang mục lục	3
4	Trang nội dung	4
	1. Mục đích	4
	2. Phạm vi áp dụng	4
	3. Văn bản áp dụng và tài liệu tham khảo	4
	4. Từ viết tắt và định nghĩa	5
	5. Nội dung	5-10
	6. Hồ sơ lưu trữ và biểu mẫu ban hành	10-11

TRANG NỘI DUNG

1 .MỤC ĐÍCH

- Hướng dẫn thủ tục mua sắm dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị và sửa chữa thiết bị có tổng giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng

- Xác định trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trong việc mua sắm dụng cụ, vật tư, hóa chất, thiết bị và sửa chữa thiết bị có tổng giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng do Phòng Cơ sở vật chất quản lý.

2 .PHẠM VI ÁP DỤNG

2.1 Đối tượng áp dụng:

- Các đơn vị trong Trường Đại học Bách khoa- Đại học Đà Nẵng

2.2 Trách nhiệm áp dụng:

- Phòng Cơ sở vật chất, Trường Đại học Bách khoa-Đại học Đà Nẵng

3 .VĂN BẢN ÁP DỤNG VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Luật Đấu thầu số 22/2013/QH15 ngày 23/6/2023;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Luật giá, Luật Thương mai, Bộ luật dân sự;
- Các văn bản pháp quy có liên quan.

4 .TỪ VIẾT TẮT

- Đại học Đà Nẵng: ĐHĐN
- Trường Đại học Bách khoa: ĐHBK
- Ban Gián hiệu: BGH
- Phòng Cơ sở vật chất: CSVC
- Phòng Kế hoạch tài chính: KHTC
- Quy trình: QT
- Biểu mẫu: BM

5. NỘI DUNG

5.1. Các bước thực hiện

QUY TRÌNH MUA SẮM DỤNG CỤ, VẬT TƯ, HÓA CHẤT, THIẾT BỊ VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ CÓ TỔNG GIÁ TRỊ NHỎ HƠN 100 TRIỆU ĐỒNG					
TT	**Hạn mức kinh phí**	**Phụ trách**	**Trình tự thực hiện**	**Thời gian**	**Mẫu biểu sử dụng**
1	Dưới 200.000 đ	- Đơn vị - Ban Giám hiệu - Nhà thầu	- BGH phê duyệt đề xuất và nội dung thực hiện - Hoá đơn tài chính - Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: C37-HD)	- 3 ngày - Tuỳ nội dung	CSVC-BM -46.16
2	Từ 200.000đ đến dưới 5.000.000đ.	- Đơn vị - Ban Giám hiệu - Nhà thầu	- BGH phê duyệt đề xuất và nội dung thực hiện - 01 báo giá (*không thông qua Tổ xét duyệt giá*) - Chứng nhận xuất xứ hàng hóa; chứng nhận chất lượng hàng hoá theo từng loại mặt hàng (*nếu có*) - Biên bản nghiệm thu và bàn giao (bên A- bên B) - Biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng - Hóa đơn tài chính - Giấy đề nghị thanh toán của đơn vị cung cấp (nếu thanh toán trực tiếp cho đơn vị cung cấp) - Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: C37-HD)	- 3 ngày - Tuỳ nội dung -7 ngày	CSVC-BM -46.11 CSVC-BM -46.12 CSVC-BM -46.15 CSVC-BM -46.16
3	Từ 5.000.000đ đến dưới 10.000.000đ.	- Đơn vị - Ban Giám hiệu	- BGH phê duyệt đề xuất và nội dung thực hiện - Thư mời báo giá - Biên bản xét duyệt 3 báo giá	- 3 ngày - Tuỳ nội dung	CSVC-BM -46.02 CSVC-BM -46.11

		- Hội đồng duyệt báo giá - Nhà thầu	- Chứng nhận xuất xứ hàng hóa; chứng nhận chất lượng hàng hoá theo từng loại mặt hàng (*nếu có*) - Biên bản nghiệm thu và bàn giao (bên A- bên B) - Biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng - Hóa đơn tài chính - Giấy đề nghị thanh toán của đơn vị cung cấp - Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: C37-HD)	-7 ngày	CSVC-BM -46.12 CSVC-BM -46.15 CSVC-BM -46.16
4	Từ 10.000.000đ đến dưới 20.000.000đ	- Đơn vị - Ban Giám hiệu - Hội đồng duyệt báo giá - Tư vấn thẩm định giá - Tư vấn lập dự toán - Nhà thầu	- BGH phê duyệt đề xuất và nội dung thực hiện - Biên bản kiểm tra/ báo cáo hiện trạng (đối với gói thầu sửa chữa máy móc, thiết bị) - Bộ hồ sơ cấp Chứng thư thẩm định giá (*) của gói thầu có ít nhất một mặt hàng là tài sản (*nguyên giá của mặt hàng trên 10 triệu đồng và thời gian sử dụng trên 1 năm*) - Hồ sơ thiết kế và dự toán gói thầu sửa chữa xây dựng (*nếu có*) - Thư mời báo giá - Biên bản xét duyệt 3 báo giá - Hợp đồng - Chứng nhận xuất xứ hàng hóa; chứng nhận chất lượng hàng hoá theo từng loại mặt hàng (*nếu có*) - Biên bản nghiệm thu và bàn giao (bên A- bên B) - Biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng - Hóa đơn tài chính - Biên bản thanh lý hợp đồng - Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu - Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: C37-HD)	- 3 ngày - Tuỳ nội dung -7 ngày	CSVC-BM -46.01 CSVC-BM -46.02 CSVC-BM -46.10 CSVC-BM -46.11 CSVC-BM -46.12 CSVC-BM -46.14 CSVC-BM -46.15 CSVC-BM -46.16
5	Từ 20.000.000 đ đến dưới 50.000.000 đ.	- Đơn vị - Ban Giám hiệu	- BGH phê duyệt đề xuất và nội dung thực hiện - Biên bản kiểm tra/ báo cáo hiện trạng (đối với gói thầu sửa chữa máy móc, thiết bị)	- 3 ngày - tuỳ nội dung	CSVC-BM -46.01 CSVC-BM -46.02

		- Hội đồng duyệt báo giá - Tư vấn thẩm định giá - Tư vấn lập dự toán - Nhà thầu	- Thư mời báo giá - Biên bản xét duyệt 3 báo giá - Bộ hồ sơ cấp Chứng thư thẩm định giá (*) của gói thầu có ít nhất một mặt hàng là tài sản (*nguyên giá của mặt hàng trên 10 triệu đồng và thời gian sử dụng trên 1 năm*) - Hồ sơ thiết kế và dự toán đối với gói thầu sửa chữa xây dựng (*nếu có*) - Thương thảo hợp đồng (*đối với gói thầu dịch vụ tư vấn*) - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu - Hợp đồng - Chứng nhận xuất xứ hàng hóa; chứng nhận chất lượng hàng hoá theo từng loại mặt hàng (*nếu có*) - Biên bản nghiệm thu và bàn giao (bên A- bên B) - Biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng - Hóa đơn tài chính - Biên bản thanh lý hợp đồng - Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu - Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: C37-HD).	-7 ngày	CSVC-BM -46.08 CSVC-BM -46.09 CSVC-BM -46.10 CSVC-BM -46.11 CSVC-BM -46.12 CSVC-BM -46.14 CSVC-BM -46.15 CSVC-BM -46.16
6.1	Từ 50.000.000đ đến dưới 100.000.000 đ (*đối với hạng mục mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị*)	- Đơn vị - Ban Giám hiệu - Hội đồng duyệt báo giá - Tư vấn thẩm định giá - Tổ thẩm định - Tư vấn lập dự toán - Nhà thầu	- BGH phê duyệt đề xuất và nội dung thực hiện - Biên bản kiểm tra/ báo cáo hiện trạng (*đối với gói thầu sửa chữa máy móc, thiết bị*) - Thư mời báo giá - Biên bản xét duyệt 3 báo giá - Bộ hồ sơ cấp Chứng thư thẩm định giá (*) của gói thầu có ít nhất một mặt hàng là tài sản (*nguyên giá của mặt hàng trên 10 triệu đồng và thời gian sử dụng trên 1 năm*) - Tờ trình phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) - Dự thảo KHLCNT và dự toán - Báo cáo thẩm định KHLCNT và dự toán	- 3 ngày - tuỳ nội dung	CSVC-BM -46.01 CSVC-BM -46.02 CSVC-BM -46.03 CSVC-BM -46.04 CSVC-BM -46.05 CSVC-BM -46.06 CSVC-BM -46.07 CSVC-BM -46.08 CSVC-BM -46.09

			- Quyết định phê duyệt dự toán và KHLCNT - Thương thảo hợp đồng (*đối với gói thầu dịch vụ tư vấn*) - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu - Hợp đồng - Chứng nhận xuất xứ hàng hóa; chứng nhận chất lượng hàng hoá theo từng loại mặt hàng (*nếu có*) - Biên bản nghiệm thu và bàn giao (bên A- bên B) - Biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng - Hóa đơn tài chính (*kèm theo minh chứng kiểm tra trên trang thông tin điện tử về thuế https://tracuunnt.gdt.gov.vn/tcnnt/mstdn.jsp*) - Biên bản thanh lý hợp đồng - Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu. - Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: C37-HD).	-7 ngày	CSVC-BM -46.10 CSVC-BM -46.11 CSVC-BM -46.12 CSVC-BM -46.14 CSVC-BM -46.15 CSVC-BM -46.16
6.2	Từ 50.000.000đ đến dưới 100.000.000 đ (*đối với hạng mục sửa chữa xây dựng*)	- Đơn vị - Ban Giám hiệu - Hội đồng duyệt báo giá - Tư vấn lập dự toán - Tổ thẩm định - Tư vấn thẩm tra - Nhà thầu	- BGH phê duyệt đề xuất và nội dung thực hiện - Biên bản kiểm tra và báo cáo hiện trạng - Hồ sơ thiết kế sơ bộ và khái toán - Tờ trình phê duyệt chủ trương - Quyết định phê duyệt chủ trương - Tờ trình về việc phê duyệt KHLCNT các gói thầu tư vấn - Dự thảo KHLCNT các gói thầu tư vấn - Báo cáo thẩm định KHLCNT các gói thầu tư vấn - Quyết định phê duyệt KHLCNT các gói thầu tư vấn - Bộ hồ sơ tư vấn lập dự toán (**) - Bộ hồ sơ tư vấn thẩm tra (***) - Thẩm định và phê duyệt dự toán - Tờ trình về việc phê duyệt KHLCNT các gói thầu thi công - Dự thảo KHLCNT các gói thầu thi công	- 3 ngày - tuỳ nội dung	CSVC-BM -46.01 CSVC-BM -46.03 CSVC-BM -46.04 CSVC-BM -46.05 CSVC-BM -46.06 CSVC-BM -46.07 CSVC-BM -46.08 CSVC-BM -46.09 CSVC-BM -46.10 CSVC-BM -46.11 CSVC-BM -46.12

			- Báo cáo thẩm định KHLCNT các gói thầu thi công - Quyết định phê duyệt KHLCNT các gói thầu thi công - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu - Hợp đồng - Bộ hồ sơ quản lý chất lượng công trình (****) - Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng - Bộ hồ sơ quyết toán A-B (*****) - Hóa đơn tài chính - Biên bản thanh lý hợp đồng - Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu. - Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: C37-HD).	-7 ngày	CSVC-BM -46.14 CSVC-BM -46.15 CSVC-BM -46.16

5.1. Diễn giải:

5.1.1. Trưởng đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm về hoá đơn tài chính và toàn bộ hồ sơ thủ tục

5.1.2. Mục 1 và Mục 2: không cần 03 báo giá

5.1.3. Mục 1, Mục 2 và Mục 3: không cần ký hợp đồng

5.1.4. Đối với hồ sơ thanh toán ở Mục 6: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu phải đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (https://muasamcong.mpi.gov.vn/). Liên hệ phòng CSVC

5.1.5. Các hàng hoá phải tuân thủ theo Luật thương mại, Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng, có chứng nhận xuất xứ và chứng nhận chất lượng theo từng loại mặt hàng: Chứng nhận xuất xứ CO, chứng nhận chất lượng CQ/ chứng nhận hợp quy COC/ Test report (đối với hàng hóa nhập khẩu); chứng nhận xuất xưởng/ chứng nhận hợp quy/phiếu kiểm tra chất lượng (đối với hàng hóa trong nước).

5.1.6. Yêu cầu nhà thầu gửi kèm theo hồ sơ năng lực của nhà thầu khi gửi báo giá

5.1.7. Đối với các hàng hóa thông dụng (văn phòng phẩm, mực in, giấy in, vật liệu nhỏ lẻ): không bắt buộc phải cung cấp chứng nhận xuất xứ và chứng nhận chất lượng;

5.1.8. Nếu các gói thầu có mặt hàng đúng với mặt hàng của gói thầu trước đó đã được cấp chứng thư thẩm định giá (còn thời gian hiệu lực) thì được sử dụng lại chứng thư thẩm định giá này cho mặt hàng đó.

5.1.9. (*) Hồ sơ cho gói Thẩm định giá có giá trị hợp đồng dưới 50 triệu (Thư mời, Quyết định phê duyệt kết quả LCNT, Hợp đồng, Chứng thư, Biên bản bàn giao, Biên bản

nghiệm thu, Mẫu 3aTT, Hoá đơn, Biên bản thanh lý, Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu, giấy đề nghị thanh toán (Mẫu C37-HD))

5.1.10. (**) Bộ hồ sơ tư vấn lập dự toán (Thư mời, Quyết định kết quả LCNT, Hợp đồng, Hồ sơ dự toán, Biên bản bàn giao, Biên bản nghiệm thu, Mẫu 3aTT, Hoá đơn, Biên bản thanh lý, Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu, giấy đề nghị thanh toán (Mẫu C37-HD))

5.1.11. (***) Bộ hồ sơ tư vấn thẩm tra (Thư mời, Quyết định kết quả LCNT, Hợp đồng, Báo cáo thẩm tra, Biên bản bàn giao, Biên bản nghiệm thu, Mẫu 3aTT, Hoá đơn, Biên bản thanh lý, Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu, giấy đề nghị thanh toán (Mẫu C37-HD))

5.1.12. (****) Bộ hồ sơ quản lý chất lượng công trình (căn cứ theo quy định Nghị định 06/2021/NĐ-CP)

5.1.13. (*****) Bộ hồ sơ quyết toán (căn cứ theo quy định Nghị định 99/2021/NĐ-CP, Biểu mẫu theo Thông tư 96/2021/TT-BTC)

6. HỒ SƠ LƯU TRỮ VÀ BIỂU MẪU BAN HÀNH

Thể hiện các biểu mẫu sử dụng khi thực hiện qui trình

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	CSVC-BM-46.01	Mẫu biên bản kiểm tra, báo cáo hiện trạng	Phòng CSVC, Đơn vị thụ hưởng	5 năm
2	CSVC-BM-46.02	Mẫu thư mời báo giá	Phòng CSVC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
3	CSVC-BM-46.03	Hồ sơ dự toán	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
4	CSVC-BM-46.04	Mẫu tờ trình phê duyệt KHLCNT	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
5	CSVC-BM-46.05	Bảng dự thảo KHLCNT	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
6	CSVC-BM-46.06	Mẫu báo cáo thẩm định KHLCNT	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
7	CSVC-BM-46.07	Mẫu quyết định phê duyệt KHLCNT	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
8	CSVC-BM-46.08	Mẫu biên bản hoàn thiện hợp đồng	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
9	CSVC-BM-46.09	Mẫu quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu	Nơi lưu	Thời gian lưu
10	CSVC-BM-46.10	Mẫu hợp đồng	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
11	CSVC-BM-46.11	Mẫu biên bản nghiệm thu, bàn giao	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
12	CSVC-BM-46.12	Mẫu biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng	Phòng CSVC, KHTC, đơn vị thụ hưởng	5 năm
13	CSVC-BM-46.13	Mẫu phụ lục 3aTT	Phòng CSVC, KHTC	5 năm
14	CSVC-BM-46.14	Mẫu biên bản thanh lý hợp đồng	Phòng CSVC, KHTC	5 năm
15	CSVC-BM-46.15	Mẫu giấy đề nghị thanh toán của đơn vị cung cấp	Phòng CSVC, KHTC	5 năm
16	CSVC-BM-46.16	Mẫu số: C37-HD	Phòng CSVC, KHTC	5 năm